

ghi hình của các nước tư bản có nội dung xấu về chính trị, không lành mạnh về tư tưởng hoặc thấp kém về thị hiếu thẩm mỹ.

6. Ủy ban Phát thanh và truyền hình và Bộ Văn hóa phối hợp làm những việc sau đây :

— Tổ chức đào tạo công nhân kỹ thuật vận hành và sửa chữa máy ghi hình.

— Tổ chức các cơ sở làm dịch vụ để sửa chữa các máy ghi hình nhập từ nước ngoài vào, cung ứng các sản phẩm băng ghi hình sản xuất trong nước; in lại các loại băng ghi hình.

— Tổ chức mạng lưới chiếu băng ghi hình (các điểm cố định và các xe lưu động) phục vụ công tác tuyên truyền giáo dục, phổ biến khoa học kỹ thuật và nhu cầu giải trí lành mạnh trong nhân dân... chú trọng những nơi chưa có đài truyền hình và rạp chiếu bóng.

— Ban hành giá vé thống nhất và quy định chặt chẽ về tổ chức và hoạt động ở các điểm chiếu băng ghi hình; quy định cụ thể số lượng người xem một buổi chiếu ghi hình (theo từng loại máy).

7. Bộ Văn hóa là cơ quan quản lý việc sử dụng máy và băng ghi hình trong cả nước; tổ chức đăng ký, cấp giấy phép sử dụng máy và băng ghi hình; cùng với ngành công an, hải quan kiểm tra việc nhập và sử dụng các máy và băng ghi hình theo đúng luật lệ của Nhà nước.

8. Tất cả các ngành, các cấp, các cơ quan Trung ương và địa phương đều phải tuân theo quy chế sử dụng máy và băng ghi hình do Bộ Văn hóa và Ủy ban phát thanh và truyền hình quy định.

Các cơ quan và cá nhân (người nước ngoài, Việt kiều và công dân Việt Nam) có thể mang vào Việt Nam và mang ra nước ngoài máy và băng ghi hình, nhưng phải theo quy định của Bộ Văn hóa và theo thể lệ Hải quan.

9. Ủy ban Phát thanh và truyền hình, Bộ Văn hóa phối hợp với các ngành có liên quan như Tổng cục Điện tử và kỹ thuật tin học, Bộ Tài chính, Bộ Ngoại thương, Bộ Nội thương, Ủy ban Kế hoạch Nhà nước, Bộ Nội vụ, Tổng cục Hải quan... ra những thông tư liên ngành thực hiện Chỉ thị này.

Các văn bản trước đây về quản lý, sử dụng máy và băng ghi hình trái với Chỉ thị này đều bãi bỏ.

K.T. Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng

Phó Chủ tịch

TỔ HỮU

CÁC BỘ

LIÊN BỘ

Y TẾ — TÀI CHÍNH

THÔNG TƯ liên Bộ Y tế—Tài chính
số 13-TT/LB ngày 15-7-1986
hướng dẫn thi hành Quyết định
số 72-CT ngày 25-3-1986 của
Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng
về chế độ trợ cấp tiền thuốc và
tiền ăn cho người bệnh tại các
cơ sở y tế của Nhà nước.

Thi hành Quyết định số 72-CT ngày 25-3-1986 của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng về chế độ trợ cấp tiền thuốc và tiền ăn cho người bệnh tại các cơ sở y tế của Nhà nước, liên Bộ Y tế—Tài chính hướng dẫn thi hành cụ thể như sau :

Phần I

TRỢ CẤP TIỀN THUỐC KHÁM CHỮA BỆNH THÔNG THƯỜNG**1. Mức chi về tiền thuốc khám chữa bệnh thông thường cho các đối tượng được trợ cấp tiền thuốc:**

a) Đối tượng được hưởng mức chi về thuốc thông thường: 68đ/người/năm, bao gồm:

— Công nhân viên chức Nhà nước và những người làm hợp đồng dài hạn;

— Công nhân viên chức Nhà nước và quân nhân đã nghỉ hưu, nghỉ việc vì mất sức lao động; thương binh, bệnh binh đang được hưởng lương hưu hoặc trợ cấp mất sức thương tật hàng tháng;

— Cán bộ hoạt động cách mạng trước tháng 8 năm 1945 được hưởng sinh hoạt phí hàng tháng;

— Anh hùng lao động, đại biểu Quốc hội đương nhiệm, không hưởng lương hưu hoặc sinh hoạt phí hàng tháng;

— Công nhân viên chức Nhà nước đang học tập trung tại các trường đại học, cao đẳng, trung học, sơ học chuyên nghiệp, các trường dạy nghề.

Mức chi về tiền thuốc chữa bệnh nói trên bao gồm thuốc thông thường, thuốc phụ khoa, thuốc chữa bệnh mãn tính, bệnh nghề nghiệp, chia ra:

Đề tại trạm y tế cơ quan, xí nghiệp, trường học mua thuốc cấp cứu và chữa bệnh thông thường: 24đ/người/năm.

Số tiền còn lại 44đ/người/năm chuyển đến các phòng khám đa khoa (trong hay ngoài bệnh viện trung ương và địa phương, bệnh viện ngành) để chi cấp thuốc điều trị bệnh cho các đối tượng đến khám.

— Các cơ quan, đoàn thể, v.v... có số cán bộ công nhân viên quá ít và không có tổ chức y tế riêng thì số tiền 68 đồng được chuyển đến các phòng khám bệnh của bệnh viện để chi cấp thuốc.

b) Đối với học sinh, sinh viên các trường đại học, cao đẳng, trung học, sơ học chuyên nghiệp và trường dạy nghề được dự trữ 18đ/học sinh/năm do trạm y tế các trường quản lý và cấp phát thuốc.

c) Đồng bào dân tộc vùng cao miền núi, những người đi khai hoang xây dựng vùng kinh tế mới trong ba năm đầu, được chi về thuốc 12đ/người/năm do Ngân sách xã cấp cho trạm y tế xã quản lý để cấp thuốc thông thường hoặc cấp cứu tại chỗ.

d) Các đối tượng được trợ cấp tiền thuốc bình quân 3đ/l lần khám, bao gồm:

— Cán bộ chính quyền và đoàn thể xã phường chuyên trách được hưởng sinh hoạt phí hàng tháng.

— Người cố công giúp đỡ cách mạng được hưởng chế độ trợ cấp hàng tháng.

— Cha mẹ già yếu, con dưới 18 tuổi của công nhân viên chức, sĩ quan và quân nhân chuyên nghiệp tại chức, nghỉ hưu hoặc đã chết.

— Cha, mẹ, vợ, chồng, con dưới 18 tuổi của liệt sỹ được hưởng trợ cấp hàng tháng.

— Những người bị bệnh dịch, bị tai nạn vì thiên tai địch họa.

— Những người tàn tật, trẻ mồ côi không nơi nương tựa, người gặp khó khăn đặc biệt trong đời sống được chính quyền địa phương xác nhận.

— Các đối tượng quy định ở điểm b, c trên đây khi ốm đau nếu được giới

thiệu đến phòng khám bệnh đa khoa khu vực và phòng khám bệnh trong bệnh viện cũng được cấp phát thuốc thông thường theo mức tính bình quân 3đ/1 lần khám bệnh.

e) Riêng đối với các phòng khám bệnh thuộc các bệnh viện và viện chuyên khoa Trung ương, có nhiệm vụ khám, chữa bệnh cho bệnh nhân vượt quá khả năng điều trị do các tuyến dưới giới thiệu lên, được dự trù kinh phí tính bình quân 5đ/1 lần khám để cấp thuốc cho các đối tượng thuộc diện được Nhà nước trợ cấp tiền thuốc.

h) Đối với những người mắc các bệnh xã hội và thực hiện sinh đẻ có kế hoạch, được giới thiệu đến khám, chữa bệnh ngoại trú tại các bệnh viện chuyên khoa của tỉnh, thành phố và trung ương, được cấp phát thuốc theo phác đồ điều trị của từng chuyên khoa theo quy định của Bộ Y tế, bình quân 1đ/ngày; riêng thuốc chuyên khoa lao bình quân từ 2 đồng đến 3đ/ngày.

2. Cấp kinh phí và sử dụng kinh phí tiền thuốc:

a) Các cơ quan, xí nghiệp, trường học v.v... căn cứ vào số lượng cán bộ công nhân viên chức, số học sinh hàng năm, lập dự trù kinh phí tiền thuốc khám chữa bệnh thông thường theo mức quy định ở điểm a, b mục 1 nói trên, đề nghị cơ quan tài chính cấp phát nếu là cơ quan hành chính, sự nghiệp, hoặc tính vào giá thành sản phẩm, phí lưu thông nếu là cơ sở sản xuất, kinh doanh.

— Hàng quý, các cơ quan, xí nghiệp, trường học chuyển số tiền thuốc là 11đ hoặc 17đ/quý (nếu không có tề chức y tế) cho các phòng khám bệnh của bệnh viện.

b) Các cơ quan thương binh, xã hội căn cứ vào các đối tượng được hưởng mức chi về thuốc thông thường 68đ/người/năm để chuyển số tiền 17đ/quý cho các phòng khám bệnh để cấp thuốc cho các đối tượng đến khám.

c) Hàng quý, các phòng khám bệnh phải quyết toán kinh phí tiền thuốc với các đơn vị đã nộp tiền. Nếu đơn vị nào không nộp tiền sẽ không được cấp phát thuốc mà chỉ cho hưởng điều trị.

d) Hàng quý, cơ quan y tế lập dự trù kinh phí tiền thuốc cho các đối tượng quy định ở điểm d, e, h, mục 1, phần I trên đây để gửi cho cơ quan Tài chính kiểm tra, xem xét và cấp phát ngoài định mức chi bình quân giường bệnh hàng năm.

e) Những đối tượng quy định ở mục 1, phần I trên đây, nếu ốm đau phải nằm điều trị ở bệnh viện được miễn nộp tiền thuốc và các dịch vụ khám chữa bệnh khác; chỉ phải nộp một phần tiền ăn theo quy định tại phần II dưới đây.

3. Người bệnh không thuộc đối tượng ghi ở mục 1, phần I khi khám bệnh, chữa bệnh tại các cơ sở y tế Nhà nước được miễn trả dịch vụ khám, chữa bệnh nhưng phải trả tiền ăn, tiền thuốc cụ thể:

— Được khám bệnh và cấp đơn mua thuốc về sử dụng.

— Vào điều trị nội trú phải trả tiền ăn hàng ngày và tiền thuốc, bao gồm thuốc uống, thuốc tiêm các loại, máu, dịch truyền, phim X quang.

Các khoản thu được trên đây, bệnh viện được giữ lại để bổ sung vào kinh phí của đơn vị để phục vụ người bệnh.

Phần II

MỨC TIỀN ĂN VÀ MỨC ĐÓNG GÓP CỦA NGƯỜI BỆNH

1. Đối với cán bộ công nhân viên chức đang công tác, cán bộ công nhân viên chức và quân nhân đã về hưu, nghỉ việc vì mất sức lao động.

ĐỐI TƯỢNG	Mức ăn 1 ngày		Mức đóng góp	
	Tại bệnh viện, Nhà hộ sinh, Trạm Y tế cơ sở có giường bệnh	Tại nhà điều dưỡng	Cán bộ đương chức	Cán bộ về nghỉ hưu, nghỉ việc vì mất sức lao động
1. Cán bộ có mức lương chính dưới 425đ	Từ 12 - 15đ	20đ	Nộp 50% mức ăn ở bệnh viện	Nộp 40% mức ăn ở bệnh viện
2. Cán bộ có mức lương chính từ 425đ đến dưới 668đ	Từ 18 - 20đ	25đ	-nt-	-nt-
3. Cán bộ có mức lương chính từ 668đ trở lên	Từ 22 - 25đ	30đ	-nt-	-nt-

Các trường hợp dưới đây được áp dụng mức tiền ăn và đóng góp như sau:

a) Áp dụng mức ăn thứ nhất trong bảng đối với:

— Cán bộ xã, phường chuyên trách và cán bộ y tế xã, phường hưởng sinh hoạt phí hàng tháng: nộp 30% mức tiền ăn ở bệnh viện.

— Thương binh, bệnh binh được xếp hạng: nộp 20% mức tiền ăn ở bệnh viện.

b) Áp dụng mức ăn thứ hai trong bảng đối với:

— Cán bộ hoạt động cách mạng trước tháng 8-1945 được hưởng trợ cấp hàng tháng: nộp 30% mức tiền ăn ở bệnh viện.

— Anh hùng lao động, đại biểu Quốc hội đương nhiệm không hưởng lương, sinh hoạt phí: nộp 20% mức tiền ăn ở bệnh viện.

c) Đối với người bệnh cần ăn theo chế độ bệnh lý:

— Đối với những bệnh nhân nặng, bệnh nhân sau mổ (phẫu thuật lớn) thì áp dụng mức ăn cao hơn một mức so với mức ăn bình thường theo lương trong bảng trên do trưởng khoa (đối với bệnh viện Trung ương)

và giám đốc bệnh viện (đối với bệnh viện địa phương, bệnh viện các ngành) quyết định.

— Trường hợp bệnh nhân phải nuôi dưỡng theo chế độ đặc biệt thì có thể áp dụng mức ăn cao hơn và sẽ do giám đốc bệnh viện quyết định.

— Người bệnh được áp dụng chế độ ăn theo bệnh lý chỉ phải nộp tiền ăn theo mức ăn quy định ở bảng trên.

2. Đối với nhân dân và trẻ em:

Nhân dân và trẻ em điều trị ở các bệnh viện áp dụng mức ăn từ 8 đến 10 đ/ngày; nếu người bệnh có yêu cầu ăn trên mức này và tự trả phần ăn thêm thì tùy khả năng mà bệnh viện cố gắng phục vụ người bệnh trả tiền ăn toàn bộ theo mức ăn được phục vụ.

— Những người bệnh sau đây chỉ phải nộp 30% của mức tiền ăn từ 8 đến 10 đ/ngày:

Cha, mẹ già yếu và con dưới 18 tuổi (con thứ nhất và con thứ hai) của công nhân viên chức, sĩ quan và quân nhân chuyên nghiệp tại chức, nghỉ hưu hoặc đã chết;

Học sinh, sinh viên các trường đại học, cao đẳng, trung học, sơ học chuyên nghiệp và các trường dạy nghề.

— Những người bệnh sau đây chỉ phải nộp 20% của mức tiền ăn từ 8 đến 10 đ/ngày:

Người có công giúp đỡ cách mạng được hưởng trợ cấp hàng tháng;

Cha, mẹ, vợ, chồng, con dưới 18 tuổi của liệt sỹ được hưởng trợ cấp hàng tháng;

Đồng bào dân tộc vùng cao miền núi theo Quyết định số 156-CP ngày 7-10-1968 của Hội đồng Chính phủ;

Người đi khai hoang xây dựng vùng kinh tế mới trong ba năm đầu theo Quyết định số 95-CP ngày 27-3-1980 và Quyết định số 254-CP ngày 16-6-1981 của Hội đồng Chính phủ.

— Những người bệnh sau đây nếu được chính quyền xã, phường cấp giấy xác nhận, ăn mức từ 8 đến 10 đ/ngày và được miễn nộp tiền ăn:

Người bị tai nạn vì thiên tai, địch họa;

Người tàn tật và trẻ mồ côi không nơi nương tựa;

Người gặp khó khăn đặc biệt trong đời sống;

Người mắc bệnh xã hội như lao, tâm thần, phong nếu nằm điều trị từ tháng thứ hai trở đi không phải trả tiền ăn.

3. Quyết định mức tiền ăn:

a) Đề phù hợp với giá cả sinh hoạt của từng vùng, căn cứ vào các mức ăn ở cơ sở điều trị cho cán bộ và nhân dân theo quy định trên đây, Ủy ban Nhân dân các địa phương sẽ quyết định cụ thể việc áp dụng một mức ăn thống nhất cho cán bộ theo bậc lương và một mức ăn cho nhân dân nằm điều trị ở bệnh viện, nhà hộ sinh và trạm y

tế cơ sở có giường bệnh. Đối với các cơ sở y tế trực thuộc Bộ Y tế và Bộ, Tổng cục khác sẽ do Bộ Y tế và các Bộ, Tổng cục quy định cụ thể.

Mức ăn thống nhất do Ủy ban Nhân dân và các Bộ, Tổng cục quyết định làm cơ sở đề nộp hoặc miễn nộp tiền ăn theo tỷ lệ đã quy định ở trên.

b) Mức tiền ăn và mức đóng góp quy định trên đây, sẽ được tính bổ sung thêm phần tăng của khoản phụ cấp chênh lệch giá sinh hoạt theo vùng của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng (nếu có) so với mức đã quy định tại Quyết định số 86-CT ngày 4-4-1986 của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng.

4. Người bệnh ăn tại bệnh viện, nhà điều dưỡng, nhà hộ sinh, trạm y tế cơ sở có giường bệnh đều phải nộp gạo theo tiêu chuẩn quy định và bệnh viện sẽ thanh toán trả lại số tiền gạo đã nộp theo giá lẻ chỉ đạo ổn định của Nhà nước ở từng địa phương cho bệnh nhân.

Nếu người bệnh không ăn tại các cơ sở điều trị, điều dưỡng thì không được thanh toán các khoản trợ cấp tiền ăn.

Phần III

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày 1-7-1986. Những quy định trước đây trái với Quyết định số 72-CT ngày 25-3-1986 của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng và các quy định tại Thông tư hướng dẫn này đều bãi bỏ.

K.T. Bộ trưởng Bộ Tài chính
Thứ trưởng
NGÔ THIẾT THẠCH
K.T. Bộ trưởng Bộ Y tế
Thứ trưởng
GS. PHẠM SONG